TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2023
"Về việc ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thận.
2. Ông Trần Đức Hòa.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, về việc " Ly hôn" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị P, sinh năm 1999 (Vắng).
Địa chỉ: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.
Bị đơn: Nguyễn T, sinh năm 1987 (Vắng).
Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016 và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 10/09/2020. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đến năm 2021 thì nẫy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, chị và anh Nguyễn T đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân, anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 08/6/2018, Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 26/02/2020, từ khi sống ly thân cho đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ anh Nguyễn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị P như chị Nguyễn Thị P khởi kiện là đúng, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 08/6/2018, Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 26/02/2020, sau khi ly hôn anh Nguyễn T đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niện, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn T, nơi cư trú của anh Nguyễn T tại thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án " Hôn nhân gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 10/09/2020. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn chị và anh Nguyễn T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì nẫy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, vì vậy chị Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T. Bị đơn anh Nguyễn T cũng xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị P như chị Nguyễn Thị P yêu cầu khởi kiện là đúng nên chị Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thực tế thì từ năm 2021 đến nay chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn T đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do đó mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P là phù hợp.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Nguyễn Thị P thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 08/6/2018, Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 26/02/2020, từ khi sống ly thân cho đến nay chị Nguyễn Thị P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, anh Nguyễn T cũng đồng ý sau khi ly hôn tiếp tục giao con chung cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Vì vậy giao con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Ngọc Khả H cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn T.

[2] Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 08/6/2018, Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 26/02/2020 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu số 0001034 ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Đoàn Kết;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 16 tháng 3 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Đăng Bảy.

Tiến hành nghị án vụ dân sự thụ lý số: 437/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020, về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Anh, sinh năm 1994 (có mặt)

HKTT: Thôn 3, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Số 02 đội 3, ấp Phước Tâm, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Lâm Văn Đăng, sinh năm 1993 (vắng mặt)

HKTT: Thôn 3, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH 3/3 (100%) CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147, 161, 218 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Anh đối với bị đơn Lâm Văn Đăng; Xử cho chị Nguyễn Thị Anh được ly hôn với anh Lâm Văn Đăng.

[2] Về con chung: Giao con chung của chị Anh và anh Đăng là Lâm Nguyễn Hải Hưng, sinh ngày 05/02/2018 cho chị Anh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Đồng thời có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn Nguyễn Thị Anh đối với bị đơn Lâm Văn Đăng.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015734 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 16 tháng 3 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử	**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Quang Liêu - Nguyễn Đăng Bảy	**Nguyễn Văn Huệ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Đoàn Kết;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huệ